

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2023/DS-ST

Ngày: 20/9/2023

*V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Minh Phụng.

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 194/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130A/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông T, sinh năm 19U – Chủ hộ kinh doanh T;

Địa chỉ: Số E lộ T, khóm W, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà M, sinh năm 19II (văn bản ủy quyền lập ngày 24/5/2023, có mặt).

Địa chỉ: Số nhà UU, khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn:

2.1. Ông H, sinh năm 19II (vắng mặt);

2.2. Bà H1, sinh năm 19TT (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Nhà không số, ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/5/2023, cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T trình bày:

Vào ngày 20/3/2018, Hộ kinh doanh T (tại thời điểm ký kết hợp đồng do ông M làm chủ hộ đến ngày 23/02/2023 chuyển giao ông T là chủ hộ), có giao kết hợp

đồng mua bán thức ăn nuôi tôm do V sản xuất và thuốc thủy sản với ông H và bà H1. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm ông H và bà H1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ như đã thỏa thuận. Vào ngày 14/6/2022 hai bên đối chiếu nợ, ông H và bà H1 còn nợ tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản của Hộ kinh doanh T (do ông T là chủ hộ) với số tiền là 461.935.000 đồng (bốn trăm sáu mươi một triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Nay nguyên đơn ông T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc các bị đơn ông H và bà H1 phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền nợ nêu trên là 461.935.000 đồng (bốn trăm sáu mươi một triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Về lãi suất chậm trả ông T không có yêu cầu.

Đối với các bị đơn ông H, bà H1: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp để kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đối với ông H và bà H1, nhưng ông H và bà H1 vắng mặt và không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án có thông báo kết quả mở phiên họp cho ông H và bà H1 biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu các bị đơn ông H và bà H1 phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản với số tiền là 461.935.000 đồng (bốn trăm sáu mươi một triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Tòa án thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa: Các bị đơn ông H và bà H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

[1] Vào ngày 20/3/2018, ông H và bà H1 có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của hộ kinh doanh T (tại thời điểm ký kết hợp đồng do ông M làm chủ hộ đến ngày 23/02/2023 chuyển giao ông T là chủ hộ) và tính đến ngày 14/6/2022 hai bên đối chiếu nợ thì ông H và bà H1 còn nợ tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản của hộ kinh

doanh T do ông T làm chủ hộ với tổng số tiền là 461.935.000 đồng (bốn trăm sáu mươi một triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Việc hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản giữa ông T với ông H và bà H1 gồm có: Hợp đồng mua bán lập ngày 20/3/2018; Bảng đối chiếu xác nhận nợ ngày 14/6/2022. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì nguyên đơn ông T không cần phải chứng minh.

[2] Về lãi suất chậm trả: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào các Điều 430; 440; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T (chủ hộ kinh doanh T). Buộc các bị đơn ông H và bà H1 phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho ông T (chủ hộ kinh doanh T) với số tiền là 461.935.000 đồng (bốn trăm sáu mươi một triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T được chấp nhận, nên các bị đơn ông H và bà H1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 144, 146, 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 288, 430; 440; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T (chủ hộ kinh doanh T).

Buộc các bị đơn ông H và bà H1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho ông T (chủ hộ kinh doanh T) số tiền là 461.935.000 đồng (bốn trăm sáu mươi một triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông H và bà H1 còn liên đới trả lãi cho ông T (chủ hộ kinh doanh T) theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Các bị đơn ông H và bà H1 phải liên đới chịu là 22.447.400 đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm đồng).

- Nguyên đơn ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông T (chủ hộ kinh doanh T) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp với số tiền là 11.548.000 đồng (mười một triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008036 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- VKSND TXVC;
- THADS TXVC;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Phương

